

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Số: 38/2017/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**THỰC HIỆN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐÀO TẠO VÀ THU HÚT NGUỒN
NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 57/2016/NQ-
HĐND NGÀY 12/12/2016 CỦA HĐND TỈNH VỀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐẶC
THÙ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015

Luật Việc làm ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về một số biện pháp đặc thù thu hút đầu tư và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 130/TTr-SLĐTBXH ngày 03/8/2017 và kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 58 /BC-STP ngày 31/5/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị quyết số 57/2016/NQ- HĐND ngày 12/12/2016 của HĐND tỉnh Về một số biện pháp đặc thù thu hút đầu tư và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Trì

QUY ĐỊNH

THỰC HIỆN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐÀO TẠO VÀ THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 57/2016/NQ-HĐND NGÀY 12/12/2016 CỦA HĐND TỈNH VỀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐẶC THÙ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

- a) Quy định này quy định về đối tượng, nguyên tắc, điều kiện và mức hỗ trợ; trình tự, thủ tục hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo và thu hút lao động chất lượng cao.
- b) Quy định này áp dụng cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc tính từ ngày 01/01/2017 có quy mô lao động từ 200 lao động trở lên.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Hỗ trợ doanh nghiệp tuyển lao động chất lượng cao là người Vĩnh Phúc có hộ khẩu thường trú từ 12 tháng trở lên (tính từ thời điểm ký hợp đồng không xác định thời hạn giữa người lao động và doanh nghiệp) để đảm đương chức vụ lãnh đạo, chuyên viên kỹ thuật và có thời gian làm việc trực tiếp trong doanh nghiệp từ một năm trở lên.
- b) Hỗ trợ doanh nghiệp tuyển lao động là người Vĩnh Phúc có hộ khẩu thường trú từ 12 tháng trở lên (tính từ thời điểm ký hợp đồng không xác định thời hạn giữa người lao động và doanh nghiệp) và tiến hành đào tạo thành lao động chất lượng cao để đảm đương chức vụ lãnh đạo, chuyên viên kỹ thuật và được làm việc trực tiếp trong doanh nghiệp từ một năm trở lên.

3. Giải thích từ ngữ:

Lao động chất lượng cao được hiểu trong Quy định này là Lao động đảm đương các chức vụ lãnh đạo như: Trưởng phòng, Quản đốc phân xưởng hoặc tương đương trở lên; Lao động có trình độ trung cấp, cao đẳng đã đạt các giải nhất, nhì, ba cấp tỉnh; giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp quốc gia, khu vực ASEAN hoặc quốc tế.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Đúng đối tượng, trình tự, thủ tục quy định.

2. Doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ kinh phí thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, kinh phí tuyển lao động và đào tạo thành lao động chất lượng cao một lần cho một vị trí việc làm.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ:

1. Hỗ trợ doanh nghiệp tuyển lao động chất lượng cao:

a) Trước khi tuyển lao động phải xây dựng kế hoạch tuyển lao động gồm các thông tin: Thời gian tuyển; vị trí, chức danh tuyển; số lượng tuyển, trình độ chuyên môn; loại hợp đồng dự kiến giao kết; mức lương dự kiến; điều kiện làm việc và báo cáo về Sở Lao động – TB&XH.

b) Người lao động sau khi tuyển và ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn phải được bổ nhiệm làm việc tại các vị trí chức vụ lãnh đạo hoặc chuyên viên kỹ thuật trong doanh nghiệp.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Quy định này.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp tuyển lao động và tiến hành đào tạo thành lao động chất lượng cao:

a) Người lao động sau khi tuyển và ký hợp đồng không xác định thời hạn, được doanh nghiệp lựa chọn để đào tạo thành lao động chất lượng cao, thì các khóa đào tạo này phải đáp ứng đủ các quy định của pháp luật hiện hành về đào tạo nghề nghiệp.

b) Trước khi đào tạo phải xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo về Sở Lao động – TB&XH để xét duyệt, nội dung gồm: Tên nghề đào tạo, mục tiêu đào tạo, thời gian khóa học (thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc), các điều kiện đảm bảo về giáo viên, chương trình, giáo trình đào tạo, danh sách lao động được đào tạo.

c) Người lao động phải hoàn thành khóa học và được cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

d) Người lao động sau khi được đào tạo phải được bổ nhiệm làm việc tại các vị trí chức vụ lãnh đạo, chuyên viên kỹ thuật trong doanh nghiệp.

đ) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Quy định này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ doanh nghiệp tuyển lao động chất lượng cao là người Vĩnh Phúc: 10 triệu đồng/người.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp tuyển lao động là người Vĩnh Phúc và tiến hành đào tạo thành lao động chất lượng cao: 10 triệu đồng/người/khóa.

Tổng số tiền hỗ trợ doanh nghiệp tuyển lao động chất lượng cao, tuyển lao động và đào tạo thành lao động chất lượng cao được xác định theo số lao động thực tế, nhưng không vượt 200 triệu đồng/doanh nghiệp.

Điều 5. Thành phần hồ sơ, trình tự, thời gian và cách thức thực hiện

1. Số lượng và thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

1.1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.2. Thành phần hồ sơ:

- a) Công văn đề nghị hỗ trợ, bao gồm thông tin: Tên, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh, số Giấy phép đăng ký kinh doanh, nội dung đề nghị hỗ trợ, tổng số tiền đề nghị hỗ trợ, có xác nhận của doanh nghiệp;
- b) Danh sách lao động chất lượng cao được tuyển hoặc lao động được tuyển và đào tạo đề nghị hỗ trợ, bao gồm thông tin: Họ và tên lao động; ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm ký hợp đồng lao động; thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc đào tạo (nếu là lao động được tuyển và đào tạo), mức đề nghị hỗ trợ.
- c) Bản sao chứng thực văn bằng, chứng chỉ của từng lao động hoàn thành khóa đào tạo (Đối với lao động được tuyển và được đào tạo thành lao động chất lượng cao).
- d) Bản sao chứng thực hợp đồng lao động không xác định thời hạn ký giữa người lao động và doanh nghiệp.
- đ) Bản sao chứng thực xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.
- e) Bản sao chứng thực chứng minh là lao động chất lượng cao: Quyết định bổ nhiệm để đảm đương các chức vụ lãnh đạo (Trưởng phòng, quản đốc phân xưởng hoặc tương đương trở lên), chuyên viên kỹ thuật; Bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, giấy chứng nhận đạt giải tại các kỳ thi cấp tỉnh, cấp quốc gia, khu vực ASEAN hoặc quốc tế.

2. Trình tự, thời gian và cách thức thực hiện:

- a) Sau 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng lao động giữa người lao động và doanh nghiệp. Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ gửi về Sở Lao động – TB&XH Vĩnh Phúc.
- b) Trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Sở Lao động – TB&XH phải thực hiện thẩm định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì Sở Lao động – TB&XH phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
- c) Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thẩm định, Sở Lao động – TB&XH gửi tờ trình đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ kèm theo biên bản thẩm định về Sở Tài chính.
- d) Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Lao động – TB&XH, Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh cấp kinh phí.
- e) Trong vòng 10 ngày làm việc, sau khi nhận được tờ trình của Sở Tài chính, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định cấp kinh phí.

f) Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định cấp kinh phí của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính chuyển kinh phí về Sở Lao động – TB&XH để thực hiện nhiệm vụ chi trả hỗ trợ cho doanh nghiệp.

g) Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ, Sở Lao động – TB&XH tiến hành chi trả cho nhà đầu tư.

Chương III

TRÁCH NHIỆM VÀ QUAN HỆ PHỐI HỢP CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các cấp

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Hàng năm, chủ trì tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí thu hút lao động chất lượng cao, kinh phí tuyển lao động và đào tạo thành lao động chất lượng cao để đảm đương chức vụ lãnh đạo, chuyên viên kỹ thuật làm việc trực tiếp trong doanh nghiệp. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch chung của tỉnh cho năm liền kề, hoàn thành trước 30/8 hàng năm trình UBND tỉnh quyết định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, tuyên truyền việc thực hiện Quy định này trên địa bàn tỉnh.

c) Tổ chức thẩm định, chi trả kinh phí hỗ trợ cho các doanh nghiệp và thanh quyết toán theo quy định.

d) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc chi trả kinh phí hỗ trợ cho các doanh nghiệp đảm bảo kịp thời, đúng quy định; Quyết toán với Sở Tài chính theo quy định.

2. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành liên quan xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ thu hút lao động có chất lượng cao, kinh phí tuyển lao động và đào tạo lao động thành lao động có chất lượng cao hàng năm.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động-TB&XH, Sở Kế hoạch & Đầu tư thẩm định kế hoạch và dự toán dự toán kinh phí hỗ trợ thu hút lao động chất lượng cao, kinh phí tuyển lao động và đào tạo lao động thành lao động chất lượng cao hàng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Cấp phát, hướng dẫn và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị theo các quy định hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Lao động-TB&XH, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch kinh phí hỗ trợ kinh phí thu hút và kinh phí đào tạo lao động chất lượng cao hàng năm.

4. Ban quản lý các khu công nghiệp:

Phối hợp với Sở Lao động – TB&XH, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thu hút lao động chất lượng cao, kinh phí tuyển lao động và đào tạo thành lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Phối hợp với Sở Lao động – TB&XH, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thu hút lao động chất lượng cao, kinh phí tuyển lao động và đào tạo thành lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp thuộc địa bàn quản lý.

6. Các Sở, Ban, Ngành, và các tổ chức có liên quan: Tham gia thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Trách nhiệm của nhà đầu tư được hỗ trợ kinh phí thu hút và đào tạo lao động chất lượng cao:

1. Trước tháng 6 hàng năm, nhà đầu tư xây dựng kế hoạch thu hút và đào tạo lao động chất lượng cao gửi Sở Lao động – TB&XH.
2. Tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo theo quy định hiện hành.
3. Quyết toán với Sở Lao động – TB&XH theo đúng quy định hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Chế độ thông tin, báo cáo

Trước 15/6 và trước 15/12 hàng năm, các sở và cơ quan cấp sở được giao nhiệm vụ cụ thể theo Quy định này tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao báo cáo Sở Lao động-TB&XH để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Các tổ chức, cá nhân cố ý làm trái Quy định này sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật.
2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Lao động – TB&XH để phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.